

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 25-3-2025
V/v “Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé Sáu;
2. Ông Nguyễn Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1961. Địa chỉ: phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* 1. Bà Huỳnh Thị Oanh K, sinh năm 1979;

2. Ông Phùng Thanh T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 01/8/2022 bà có cho vợ chồng ông Phùng Thanh T và bà Huỳnh Thị Oanh K vay số tiền là 700.000.000đ, mục đích vay là để đáo

nợ ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất hai bên thống nhất là theo lãi nhà nước quy định vì thời hạn vay ngắn, có viết biên nhận thể hiện việc vay này. Khi đến hạn trả nợ vay thì bà đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T và bà K không trả mà bỏ đi khỏi địa phương, nay không biết chính xác ở đâu. Khi vay thì ông T và bà K có đưa cho bà giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất do bà K đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất để làm tin, chứng minh là có việc vay tiền chứ không phải thế chấp gì cả. Hiện nay giấy chứng nhận QSD đất bà còn giữ bản gốc. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về giấy chứng nhận QSD đất này.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Oanh K và ông Phùng Thanh T cùng liên đới trả số tiền vay còn thiếu là gốc 700.000.000đ và lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến 25/3/2025 (30 tháng 24 ngày) là 178.948.000đ (đã làm tròn), lãi tính 0,83%/tháng. Tổng cộng gốc lãi là 878.948.000đ.

Ngoài ra bà không trình bày hay yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì thêm.

- *Bị đơn*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Phùng Thanh T và bà Huỳnh Thị Oanh K có địa chỉ cư trú tại khóm Bình Hưng, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Phùng Thanh T và bà Huỳnh Thị Oanh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02, không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Phùng Thanh T và bà Huỳnh Thị Oanh K, việc tổng đạt các văn bản của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông T và bà K không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự về Nghĩa vụ chứng minh có quy định:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông T và bà K biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, tuy nhiên ông, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là quyền và nghĩa vụ, nhưng ông, bà từ bỏ quyền này, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Căn cứ vào những chứng cứ mà Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện là ông T và bà K có vay của bà H số tiền là 700.000.000đ, theo biên nhận ngày 01/8/2022 và hiện chưa trả số tiền này cho bà H.

Về tiền lãi bà H yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 01/9/2022 đến 25/3/2025 (30 tháng 24 ngày) là 178.948.000đ (đã làm tròn), lãi tính 0,83%/tháng. Nhận thấy, yêu cầu về tiền lãi của bà H là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của bà H.

Về giấy chứng nhận QSD đất mà khi vay tiền ông T và bà K đưa cho bà H, giấy chứng nhận QSD đất thể hiện do bà K đứng tên. Trong vụ án này bà H trình bày việc bà giữ giấy chứng nhận QSD đất chỉ để làm tin, chứng minh là có việc vay tiền chứ không phải thế chấp gì cả. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về giấy chứng nhận QSD đất này và bị đơn cũng không có ý kiến gì về việc này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông T và bà K phải liên đới chịu là 38.368.000đ. Bà H là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H.

Buộc ông Phùng Thanh T và bà Huỳnh Thị Oanh K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Thị H số tiền vay còn nợ là 878.948.000đ (Tám trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Trong đó gốc là 700.000.000đ và lãi là 178.948.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phùng Thanh T và bà Huỳnh Thị Oanh K phải liên đới chịu là 38.368.000đ.

Bà Dương Thị H là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh